

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09<sup>A</sup>/2022/DS-PT  
Ngày: 30/12/2022  
V/v: Kiện đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

**- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tính.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Vũ Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 và 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-DS ngày 25/10/2022 về “Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (có mặt).

Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, Nghĩa Hưng, Chư Păh, Gia Lai.

3. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1956 (vắng mặt).
  5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt).
  6. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt).
  7. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.
8. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1987 (vắng mặt).
- Địa chỉ: Thôn Lộ Bao, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh BN.
9. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 (vắng mặt).
- Địa chỉ: Thôn Nghĩa Chi, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh BN.
10. Anh Ngô Duy D, sinh năm 1976 (vắng mặt).
  11. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt).
  12. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1968 (vắng mặt).
  13. Anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1989 (vắng mặt).
  14. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1965 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.
- Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Năm 1992, NH1 nước thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp lâu dài cho các hộ dân, theo quy định một nhân khẩu được giao 732m<sup>2</sup>. Gia đình ông có 05 khẩu gồm ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Th, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Văn H1. Tổng diện tích mà gia đình ông được giao 3.660m<sup>2</sup>, tại các xứ đồng: Trinh Trên 1 sào 10 thước; Trinh Dưới 1 sào 05 thước; Đồng Áp 3 là 10 thước; Đồng Áp 4 là 1 sào 3 thước; Đồng Áp 5 là 1 sào 5 thước; Con Chó trên 10 thước; Con Chó dưới 1 sào 3 thước. Ruộng % là 12 thước; ruộng mạ 0,5 sào.

Năm 2003, địa phương có chủ trương gom các thửa đất làm khu VAC đối với những hộ có ruộng trên 01 mẫu thì được đăng ký làm VAC. Tại thời điểm đó ông không có mặt tại địa phương vì năm 1996 ông và gia đình đi làm ăn kinh tế tại Gia Lai; ông Nguyễn Văn B là anh trai ông đang sử dụng phần đất nông nghiệp của gia đình ông có thông báo với ông và thống nhất phần đất nông nghiệp của gia đình ông chuyển đổi sang mô hình VAC. Phần đất của gia đình ông gộp với phần đất của ông Nguyễn Văn B, em trai ông là Nguyễn Văn Đồng và con rể ông B là anh Nguyễn Văn Dur tổng là 17 định xuất. Tổng diện tích ông B đang sử dụng tại xứ

đồng Con Chó làm VAC là  $10.881\text{m}^2$ , trong đó của gia đình ông là  $3.660\text{m}^2$ . Toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất từ năm 1996 đến khi gia đình ông đi làm ăn kinh tế tại Gia Lai thì toàn bộ phần đất nông nghiệp của gia đình ông cho ông B sử dụng và ông B phải trả 30kg thóc/sào; việc đóng các khoản dịch vụ do ông B đóng. Tổng số sản phẩm ông B phải trả gia đình ông từ năm 1996 đến năm 2016 là 60 tấn thóc và được quy đổi ra tiền. Số tiền ông B trả sản, ông trả ông B khoản vay của gia đình ông khi đi làm kinh tế, khi thanh toán không làm giấy tờ gì.

Từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay ông B không trả sản cho gia đình ông theo thỏa thuận 30kg/sào tương đương 3 tấn thóc x  $7.000.000\text{đ}/\text{tấn} = 21.000.000\text{đ}$ . Ông đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn B phải trả ông phần diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Con Chó là  $3.660\text{m}^2$  và chia cho gia đình ông theo chiều dọc của khu VAC từ trên trở xuống. Ngoài ra buộc ông B phải trả sản cho gia đình ông từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay là 3 tấn thóc x  $7.000.000\text{đ}/\text{tấn} = 21.000.000\text{đ}$ .

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Năm 1992, khi NH1 nước thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp lâu dài cho các hộ dân. Gia đình ông có 08 khẩu là mẹ ông cụ Đỗ Thị Hai, sinh năm 1921 (đã chết năm 2010); ông và vợ ông là Phạm Thị Thùy; các con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Ngát, Nguyễn Thị Thúy, mỗi khẩu được giao là 2 sào 0,5 thước.

Gia đình ông Nguyễn Văn H có 05 khẩu được giao hơn 1 mẫu ruộng, năm 1997 gia đình ông B vào miền Nam làm ăn, ruộng giao cho các chị canh tác.

Năm 2003, thực hiện chủ trương của địa phương dồn điền đổi thửa khu đất cần cõi nhập vào làm VAC. Ông có làm dự án VAC, toàn bộ khu đất hiện nay gia đình ông đang quản lý là  $10.881\text{m}^2$  ở xứ đồng Con Chó, Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.

Khu VAC là tiêu chuẩn ruộng của gia đình ông là 08 khẩu; của gia đình ông Nguyễn Văn H là 05 khẩu, diện tích  $3.660\text{m}^2$ ; của gia đình ông Nguyễn Văn Đồng, sinh năm 1967 là 03 khẩu (6 sào 1,5 thước); của con rể ông là anh Ngô Duy Dư, sinh năm 1976 là 01 khẩu (02 sào 0,5 thước). Khi thực hiện dự án VAC do phần ruộng của gia đình ông thiếu nên ông có lấy phần ruộng của gia đình ông H để gộp đủ tiêu chuẩn diện tích làm VAC. Việc gộp diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông H vào khu VAC ông H cũng nhất trí.

Sau khi thực hiện dự án VAC gia đình ông đã cải tạo đào ao, trồng cây xung quanh. Về việc sử dụng đất của gia đình ông H từ năm 2003 gia đình ông có trả sản đến thời điểm ông H về thì ông không trả vì khi đó ông có thỏa thuận trả cho

ông H 06 sào ở ngoài đồng để canh tác, còn lại ông trả ở khu VAC nhưng ông H không nhận và diện tích 06 sào hiện nay hai gia đình không ai canh tác.

Đối với yêu cầu của ông Hợ, ông không nhất trí trả ở khu VAC vì gia đình đã cải tạo mới được hình tH1nh như hiện nay. Ông nhất trí trả cho gia đình ông H theo phương án là trả 06 sào ở ngoài đồng phần diện tích còn lại trả trong khu VAC hoặc ông sẽ mua thêm ruộng trả toàn bộ cho ông H ở ngoài đồng.

Đối với yêu cầu của ông H buộc ông phải trả lại số tiền sản là 21.000.000đ ông không nhất trí vì sau khi ông H ở Gia Lai về địa phương ông đã tiến H1nh trả ruộng cho ông H, cụ thể là trả 03 định xuất ruộng ở ngoài đồng (01 định xuất là 732m<sup>2</sup>), còn lại ông trả đất trong khu VAC. Từ khi ông trả phần diện tích ruộng ở ngoài đồng, ông và ông H không sử dụng, còn phần đất trong khu VAC ông đang sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Phạm Thị Q, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Ngọc, anh Nguyễn Văn Tuyên, chị Nguyễn Thị Ngát, chị Nguyễn Thị Thúy, anh Ngô Duy Dư trình bày: Bà Q và các anh, chị đã xem lời khai của ông Nguyễn Văn B, bà Q và các anh, chị nhất trí với nội dung ông B khai không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Văn Đồng trình bày: Năm 1992, khi NH1 nước thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp lâu dài cho các hộ dân. Gia đình ông có 03 khẩu là ông Nguyễn Văn Đồng, vợ bà Đỗ Thị Lê, con trai là Nguyễn Văn Đoàn. Gia đình ông được giao 2.190m<sup>2</sup>.

Năm 2003, thực hiện chủ trương của địa phương dồn điền đổi thửa làm VAC. Ông có góp tiêu chuẩn đất nông nghiệp của gia đình ông với ông Nguyễn Văn B để làm dự án VAC ở xứ đồng Con Chó, Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN.

Sau khi được giao đất giữa ông và ông B có thỏa thuận cắt cho ông chiều rộng giáp đường là 20m và chiều sâu là 100m để ông sử dụng. Phần đất này ông đã làm nH1 cấp 4 trên đất và trồng cây, làm ao. Việc thỏa thuận không lập tH1nh văn bản chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Mẹ ông là cụ Đỗ Thị Hai, sinh năm 1922 (chết năm 2010). Tại thời điểm giao ruộng lâu dài mẹ ông ở với ông B, bố mẹ ông có 04 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Lý và ông.

Phần tiêu chuẩn của ông đã tự thỏa thuận nên việc tranh chấp giữa ông B và ông H để các anh tự giải quyết không liên quan đến ông.

Bà Đỗ Thị Lê, anh Nguyễn Văn Đoàn trình bày: Năm 2003, bà Lê và anh Đoàn có góp với gia đình ông B 03 định xuất để làm khu VAC ở xứ đồng Con

Chó, xóm Ấp Vang, thôn Tam Tảo. Ông B đã chia cho gia đình một phần đất và gia đình đã sử dụng, xây dựng một số công trình trên đất. Bà Lê và anh Đoàn không có yêu cầu gì.

Bà Nguyễn Thị Lý trình bày: Mẹ bà là cụ Đỗ Thị Hai, sinh năm 1922 (chết năm 2010). Tại thời điểm giao ruộng lâu dài cụ Hai ở nH1 ông B và được giao ruộng theo hộ ông B. Bà đã nhận được thông báo của Tòa án về tranh chấp đất nông nghiệp giữa ông B và ông H. Bà không yêu cầu phần đất của cụ Hai trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn H1 nhất trí với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ các khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166, 189, 207, 208, 209, 212, 217, 218 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả hộ ông Nguyễn Văn H 3.660m<sup>2</sup> đất là hình được giới hạn bởi các điểm (A,3,4,5,6,C,B), có tứ cận: Phía Bắc phần đất ruộng, khu mộ gồm các đoạn A-3 dài 22,42m; 3-4 dài 5,09m; 4-5 dài 4,03m; đoạn 5-6 dài 17,49m; phía Đông giáp khu VAC hộ ông Chiến gồm các đoạn 6-7 dài 11,67m; 7-C dài 67,40m; phía Nam giáp phần đất VAC của ông B (đoạn C-B) dài 43,09m; phía Tây giáp phần đất VAC của hộ ông B (đoạn B-A) dài 87,10m (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan NH1 nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải trả sản từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay là 03 tấn thóc x 7.000.000đ/tấn = 21.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi H1nh án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông H rút yêu cầu buộc ông B phải trả sản lượng thóc từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử sửa bản án sơ thẩm xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn B nộp trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Năm 1992, Nhà nước thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp lâu dài cho các hộ dân, theo quy định một nhân khẩu được giao 732m<sup>2</sup>. Gia đình ông Nguyễn Văn H có 05 khẩu được giao 3.660m<sup>2</sup>, còn gia đình ông Nguyễn Văn B được giao 08 khẩu, mỗi khẩu 2 sào 0,5 thước. Năm 1996, gia đình ông H đi làm ăn kinh tế tại Gia Lai nên toàn bộ phần đất nông nghiệp của ông H cho ông B sử dụng và ông B phải trả ông H là 30kg thóc/sào, việc đóng các khoản dịch vụ do ông B đóng. Từ năm 1996 đến năm 2016 ông B đã trả cho ông H 60 tấn thóc và được quy đổi ra tiền. Khi thanh toán hai bên đều không có giấy tờ gì. Năm 2003, địa phương có chủ trương dồn điền đổi thửa khu đất cần cỗi nhập vào làm VAC. Tại thời điểm đó ông B có làm dự án VAC, ông H và ông B cùng thống nhất với nhau gộp phần đất nông nghiệp của hai gia đình để chuyển đổi sang mô hình VAC, ngoài ra còn có phần đất của ông Nguyễn Văn Đồng và con rể ông B là anh Nguyễn Văn Dư tổng diện tích là 10.881m<sup>2</sup> ở xứ đồng Con Chó, Xóm AV, thôn TT, xã PL, huyện TD, tỉnh BN. Toàn bộ phần đất chuyển đổi do ông Nguyễn Văn B quản lý. Sau khi thực hiện dự án VAC gia đình ông B đã cải tạo đào ao, trồng cây xung quanh.

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn B phải trả lại ông diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Con Chó là 3.660m<sup>2</sup> và chia cho gia đình ông theo chiều dọc của khu VAC từ trên trở xuống; buộc ông B phải trả sản cho gia đình ông từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay là 3 tấn thóc x 7.000.000đ/tấn =

21.000.000đ. Phía ông B nhất trí trả cho gia đình ông H 06 sào ở ngoài đồng phần diện tích còn lại trả trong khu VAC hoặc ông sẽ mua thêm ruộng trả toàn bộ cho ông H ở ngoài đồng. Đối với yêu cầu trả sản là 3 tấn thóc = 21.000.000đ, ông B không đồng ý vì sau khi ông H từ Gia Lai trở về địa phương ông đã tiến hành trả lại ruộng cho ông H và ông đã không còn sử dụng diện tích đất đó nữa.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn B phải trả hộ ông Nguyễn Văn H 3.660m<sup>2</sup> đất; không chấp nhận yêu cầu của ông H đề nghị ông B phải trả sản từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông H, bà Th và kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào kết quả xác minh của địa phương, năm 1992 khi NH1 nước thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp cho các hộ dân, do hộ gia đình ông H có 05 nhân khẩu nên đã được giao 05 định xuất đất tương đương 3.660m<sup>2</sup> đất. Đến năm 2003, thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa nên ông H đã gộp 3.660m<sup>2</sup> đất ruộng của gia đình ông cùng gia đình ông B để làm khu VAC. Hiện tại khu VAC đang do ông B quản lý và sử dụng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du (BL 32), ông B cũng thừa nhận khi thực hiện dự án VAC do phần ruộng của gia đình ông B thiếu nên đã lấy phần ruộng của gia đình ông H là 05 khẩu tương đương 3.660m<sup>2</sup> đất để gộp đủ tiêu chuẩn diện tích làm VAC. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ pháp luật.

Đối với kháng cáo của ông H, bà Th đề nghị Tòa án buộc ông B trả lại cho gia đình ông 3.660m<sup>2</sup> đất và chia dọc theo khu đất kéo dài từ phía Nam xuống phía Bắc của khu đất VAC, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào hiện trạng của khu VAC nếu chia theo chiều dọc của khu đất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình trên đất và việc sử dụng đất. Ngoài ra, phía ông H cho rằng vị trí đất mà Tòa cấp sơ thẩm buộc ông B phải trả bị cản trở bởi các ngôi mộ đã có trên khu đất từ lâu đời và phần đất không có lối đi thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh thì thấy phần đất VAC do cấp sơ thẩm buộc ông B phải trả ông H vẫn có lối đi, các ngôi mộ không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các hộ gia đình. Mặt khác, phần đất giữa khu VAC của hộ gia đình ông Nguyễn Văn B và hộ ông Nguyễn Văn Đồng đang sử dụng với đường đi là phần đất thung vũng gia đình ông B thuê tăng sản thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý nên bản án sơ thẩm buộc ông B phải trả lại diện tích 3.660m<sup>2</sup> về phía Bắc, cuối khu VAC là phù H.

Đối với yêu cầu của ông H buộc ông B phải trả sản từ vụ Chiêm năm 2016

đến nay là 3 tấn thóc x 7.000.000đ/tấn = 21.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà Th rút yêu cầu này; phía bị đơn đồng ý. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích H pháp của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn B không đồng ý với việc Tòa án buộc ông phải trả 3.660m<sup>2</sup> đất trong khu VAC cho ông H. Như nhận định trên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của ông B thừa nhận đã sử dụng 3.660m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn H gộp vào phần đất nông nghiệp của gia đình nH1 ông B để làm khu VAC. Do vậy bản án sơ thẩm đã xử buộc ông B có trách nhiệm phải trả lại phần đất trong khu VAC cho ông H là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông H, bà Th và ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng chỉ trừ số tiền 525.000đ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai ngày 11/5/2022 mà chưa trừ số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001898 ngày 13/12/2021 nên buộc ông H phải chịu số tiền 525.000đ là không chính xác. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, ông H còn phải chịu 225.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 163, 164, 166, 189, 207, 208, 209, 212, 217, 218 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả hộ ông Nguyễn Văn H 3.660m<sup>2</sup> đất là hình được giới hạn bởi các điểm (A,3,4,5,6,C,B), có tứ cận: Phía Bắc phần đất ruộng, khu mộ gồm các đoạn A-3 dài 22,42m; 3-4 dài 5,09m; 4-5 dài 4,03m; đoạn 5-6 dài 17,49m; phía Đông giáp khu VAC hộ ông Chiến gồm các đoạn 6-7 dài 11,67m; đoạn 7-C dài 67,40m; phía Nam giáp phần đất VAC của ông B (đoạn C-B) dài 43,09m; phía Tây giáp phần đất VAC của hộ ông B (đoạn B-A) dài 87,10m (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan NH1 nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn B phải trả sản từ vụ Chiêm năm 2016 đến nay là 03 tấn thóc x 7.000.000đ/tấn = 21.000.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá. Xác nhận ông H đã nộp số tiền 15.000.000 đồng nên buộc ông B phải thanh toán cho ông H số tiền là 15.000.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.050.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp 525.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002058 ngày 11/5/2022 và 300.000đ tại biên lai số 0001898 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Tiên Du. Ông H còn phải nộp số tiền 225.000đ.

Ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông H, bà Th và ông B mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002171; 0002172 ngày 12/9/2022 và 0002174 ngày 14/9/2022 tại Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Tiên Du.

Trường H bản án được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thoả thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H1nh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*  
- VKSND tỉnh BN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Tính**